

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213; Điều 143, khoản 3 Điều 144 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2022/TLST- DS ngày 25 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn H, xã Sơn L, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1966 và ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Sơn L, huyện K, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Theo yêu cầu đòi nợ tiền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T thì bị đơn bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Đức L đồng ý tự nguyện trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 67.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tạm tính từ ngày vay (ngày 01/01/2019 ÂL-ngày 05/02/2019 DL) cho đến ngày 01/9/2022 ÂL (ngày 26/9/2022 DL) là 27.135.000 đồng (67.000.000 đồng x 0,9%/tháng x 45 tháng) trừ đi số tiền nợ lãi đã trả là 4.000.000 đồng, còn lại nợ lãi là 23.135.000 đồng. Tổng cộng là 90.135.000 (*chín mươi triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) theo phương thức trả nợ dần, bằng tiền mặt, làm 04 lần với thời gian cụ thể như sau:

Lần 1, vào ngày 30/6/2023 bà X, ông L trả cho bà T số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Lần 2, vào ngày 30/12/2023 bà X, ông L trả cho bà T số tiền nợ gốc là 20.000.000

đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Lần 3, vào ngày 30/6/2024 bà X, ông L trả cho bà T số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Lần 4, vào ngày 30/6/2025 bà X, ông L trả cho bà T số tiền nợ gốc còn lại là 7.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 26/9/2022 là 23.135.000 đồng (*Hai mươi ba triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng*). Tổng cộng là 30.135.000 đồng (*Ba mươi triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày 27/9/2022 cho đến khi người phải thi hành án thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là 0,9%/tháng.

- Về án phí Dân sự sơ thẩm: Là 2.253.375 đồng (*Hai triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng*), các đương sự tự nguyện thỏa thuận bị đơn bà X, ông L chịu toàn bộ.

Nguyên đơn bà T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.253.375 đồng (*Hai triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003661 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (Luật THADS) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Phương